

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 318/2024/TLST - HNGĐ ngày 25/4/2024 về việc “Ly hôn” giữa Bà Vũ Thị N, sinh năm: 1985, địa chỉ: khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: số A đường L, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và ông Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1980, địa chỉ: khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: số C đường H, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Vũ Thị N và ông Nguyễn Văn N1 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Giao các con chung là Nguyễn Đức N2, sinh ngày 20/4/2007; Nguyễn Tuấn V, sinh ngày: 14/01/2009; Nguyễn Thị Huyền N3, sinh

ngày 17/9/2013 và Nguyễn Tuấn V1, sinh ngày 08/3/2024 cho bà Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Quyền đi lại thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung*: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: bà Vũ Thị N thỏa thuận chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (phần án phí bà N phải chịu là 75.000đ và phần án phí ông N1 phải chịu là 75.000đ) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000697 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Bà Vũ Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000đ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS Tp Đà Lạt;
- UBND TT Đồng Nai, H Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Thanh Thủy